

Số: 615/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 566/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989

Thường trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tạm trú: đường D, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

Thường trú: thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: đường D, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông L và bà N tự nguyện chung sống vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2015, quyền số: 01/2014, cấp ngày 06/5/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N là hợp pháp.

Ông L và bà N chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nhưng không giải quyết được. Hiện nay ông L và bà N xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên giữa đôi bên là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 13/8/2015 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 05/12/2017. Hai bên thỏa thuận giao cháu L1 cho bà N trực tiếp nuôi, giao cháu K cho ông L trực tiếp nuôi, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà N khai không có.

[4] Về nợ chung: Ông L và bà N khai không có.

[5] Về các vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông L và bà N nộp theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông L có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 13/8/2015 cho bà N trực tiếp nuôi. Bà N có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 05/12/2017 cho ông L trực tiếp nuôi. Mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông L và bà N nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông L và bà N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0016590 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc;
(để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2015,
quyển số: 01/2014, cấp ngày 06/5/2015;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương